**ĐỀ CƯƠNG GIỚI THIỆU**

**LUẬT TRỒNG TRỌT NĂM 2018**

*Luật Trồng trọt số 31/2018/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIV, kỳ họp thứ 6 thông qua ngày 19 tháng 11 năm 2018; Chủ tịch nước ký Lệnh công bố số 10/2018/L-CTN ngày 03/12/2018. Luật có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2020 và thay thế Pháp lệnh giống cây trồng số 15/2004/PL-UBTVQH11.*

**I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH LUẬT TRỒNG TRỌT**

**1. Bối cảnh, thực trạng quan hệ xã hội đòi hỏi phải có sự điều chỉnh của pháp luật.**

Sản xuất trồng trọt giữ vai trò quan trọng trong nông nghiệp, thu hút sự tham gia của gần 70% nguồn lực lao động xã hội. Sau hơn 30 năm đổi mới, sản xuất trồng trọt đã có những bước phát triển quan trọng, góp phần đưa nước ta từ nước phải nhập khẩu lương thực trở thành nước xuất khẩu lương thực nói riêng cũng như nông sản nói chung, hàng nông sản Việt Nam đã có vị thế cao trên thị trường nông sản thế giới. Sản xuất trồng trọt hiện đóng góp trên 50% GDP và trên 50% kim ngạch xuất khẩu của toàn ngành nông nghiệp, sản xuất trồng trọt không chỉ góp phần xoá đói, giảm nghèo, bảo đảm an ninh lương thực mà còn tạo sự ổn định chính trị xã hội. Trong thời gian qua, ngành trồng trọt đã có những cơ hội lớn như:

*Một là,* Việt Nam đã ký kết hàng loạt các Hiệp định như Hiệp định Thương mại thế giới (WTO), Hiệp định Thương mại Tự do (FTA), Khu mậu dịch Tự do ASEAN (AFTA), đặc biệt khi Việt Nam tham gia Hiệp định thương mại tự do (CPTPP, EVFTA) sẽ là cơ hội cho hàng hóa nông sản mở rộng thị trường xuất khẩu. Năm 2017, giá trị xuất khẩu của toàn ngành nông nghiệp đạt trên 36,37 tỷ USD, trong đó lĩnh vực trồng trọt là 18,98 tỷ USD; trong 10 ngành hàng xuất khẩu chủ lực của ngành nông nghiệp (có giá trị trên 1 tỷ USD) có 7 ngành hàng thuộc lĩnh vực trồng trọt là lúa gạo, tiêu, điều, cà phê, sắn, rau quả, cao su. Trong đó, sản phẩm ngành trồng trọt đã có mặt tại 180 nước và vùng lãnh thổ; có 4 mặt hàng kim ngạch đạt trên 3 tỷ USD/năm gồm: trái cây, hạt điều, cà phê, gạo.

*Hai là,* nhận thức về phát triển bền vững và bảo vệ môi trường thích ứng với biến đổi khí hậu; sản xuất theo chuỗi giá trị được nâng cao; các chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào sản xuất, chế biến cũng như đầu tư vào khoa học công nghệ cho ngành trồng trọt được quan tâm và thể hiện rõ trong chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước.

*Ba là,* hợp tác quốc tế trong lĩnh vực trồng trọt ngày càng phát triển, đa dạng trong đầu tư, trao đổi, hỗ trợ về Khoa học Công nghệ, kỹ thuật, tài chính phục vụ phát triển bền vững.

Những kết quả trên của ngành trồng trọt không chỉ góp phần tạo nên sự ổn định, phát triển của đất nước, nâng cao đời sống người dân mà còn tạo vị thế, sức mạnh, uy tín của Việt Nam trên trường quốc tế. Mặc dù vậy, nông nghiệp nói chung, ngành trồng trọt nói riêng còn đối mặt với nhiều khó khăn, thách thức: biến đổi khí hậu, phát triển chưa bền vững, chưa tương xứng với tiềm năng, lợi thế; chất lượng hiệu quả, năng suất lao động còn thấp, khả năng cạnh tranh chưa cao. Cụ thể:

*Thứ nhất,* Việt Nam được dự báo là một trong 5 nước chịu ảnh hưởng lớn nhất từ biến đổi khí hậu do nước biển dâng; Những ảnh hưởng từ các loại thiên tai như hạn hán, bão lụt, dịch bệnh… khi xảy ra thì ngành trồng trọt sẽ chịu tác động mạnh mẽ nhất do sản xuất trồng trọt hoàn toàn diễn ra trong điều kiện tự nhiên, ngoài trời.

*Thứ hai,* quy mô sản xuất nhỏ, phân tán đã gây khó khăn cho việc áp dụng tiến bộ kỹ thuật; cơ chế liên kết sản xuất để hình thành vùng sản xuất hàng hóa lớn chưa đủ mạnh; cơ giới hóa nông nghiệp còn chậm; phát triển sản xuất theo hợp đồng và cấp chứng nhận sản phẩm còn hạn chế; không còn quy hoạch các ngành hàng để tạo ra sản phẩm trồng trọt chủ lực.

*Thứ ba*, nhận thức về phát triển bền vững và bảo vệ môi trường thích ứng với biến đổi khí hậu của người dân; sản xuất theo chuỗi giá trị chưa được nâng cao doanh nghiệp đầu tư vào sản xuất, chế biến cũng như đầu tư vào khoa học công nghệ cho ngành trồng trọt còn thấp chưa tương xứng với tiềm năng và lợi thế.

*Thứ tư,* còn bất cập giữa yêu cầu phát triển bền vững, hiệu quả nhanh chóng và bền vững với các nguồn lực đầu tư; các nguồn vốn ODA trực tiếp cho ngành trồng trọt giảm; đầu tư của các doanh nghiệp vào lĩnh vực sản xuất trồng trọt còn thấp.

*Thư năm,* thiếu hụt nguồn lao động trong lĩnh vực trồng trọt và đang bị già hóa; quá trình đô thị hóa nhanh; nhu cầu chuyển đổi đất trồng trọt sang các mục đích khác tăng mạnh.

*Thứ sáu,* chịu sự cạnh tranh khốc liệt với sản phẩm cùng loại tại chính thị trường trong nước cũng như thị trường quốc tế khi Việt Nam tham gia hội nhập.

**2. Tổng kết, đánh giá thực trạng các quy định pháp luật hiện hành**

Sau 14 năm thi hành Pháp lệnh giống cây trồng, Nghị định về quản lý phân bón và các quy định của pháp luật có liên quan đã góp phần quan trọng vào việc phát triển sản xuất trồng trọt. Tuy nhiên, trong quá trình thi hành pháp luật về trồng trọt đã bộc lộ nhiều hạn chế, bất cập sau:

a) Trong quản lý giống cây trồng

*Thứ nhất*, Tất cả các giống cây trồng trước khi đưa vào sản xuất, kinh doanh đều phải được công nhận giống cây trồng mới; phải thực hiện khảo nghiệm trước khi công nhận. Đối với giống cây trồng chính phải thực hiện khảo nghiệm quốc gia; chưa thực hiện triệt để xã hội hóa hoạt động khảo nghiệm theo quy định của Luật Đầu tư; giống cây trồng khác do tác giả tự khảo nghiệm nhưng chưa có cơ chế kiểm tra, giám sát.

*Thứ hai,* quá trình khảo nghiệm giống kéo dài, quy trình khảo nghiệm còn nhiều điểm bất cập; công nhận giống phải trải qua 2 giai đoạn, với 4 kỳ họp Hội đồng thì giống mới được công nhận chính thức (giống lúa là 3-4 năm, giống cây ăn quả là 8-10 năm).

Các tiêu chí công nhận giống mới không còn phù hợp với thực tiễn khi nền sản xuất đang chuyển từ số lượng sang chất lượng, nhưng việc định lượng các tính trạng nổi trội về chất lượng lại không được quy định cụ thể.

*Thứ ba,* việc quy định ban hành Danh mục giống cây trồng được phép sản xuất, kinh doanh ở Việt Nam sau khi công nhận giống cây trồng mới là không cần thiết, tăng thủ tục hành chính.

*Thứ tư,* chưa quy định rõ ràng về chủ thể, quy trình tiếp nhận, bảo quản, kinh phí trong việc lưu giữ bộ giống chuẩn để làm giống đối chứng trong khảo nghiệm công nhận và bảo hộ giống cây trồng.

*Thứ năm*, nhiều giống đã tồn tại nhiều năm và đang được sử dụng rộng rãi trong sản xuất nhưng không được công nhận giống vì không đáp ứng yêu cầu tính mới theo quy định của Pháp luật hiện hành, điều này gây khó khăn cho công tác quản lý, sản xuất, truy xuất nguồn gốc và thương mại sản phẩm.

*Thứ sáu,* thực chất việc công nhận lưu hành giống cây trồng nhằm xác lập quyền của chủ sở hữu giống trong sản xuất, kinh doanh nhưng quyền này chưa được quy định trong pháp lệnh giống cây trồng. Do đó, khi một giống cây trồng đã được công nhận lưu hành, chủ sở hữu giống muốn thực hiện quyền sở hữu lại phải thực hiện bảo hộ giống cây trồng theo các quy định của pháp luật về sở hữu trí tuệ. Như vậy, chủ sở hữu giống phải thực hiện hai thủ tục độc lập khi muốn xác lập quyền sở hữu giống và công nhận giống mới, trong khi hai nội dung này đều do một cơ quan quản lý chuyên ngành thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thực hiện.

*Thứ bẩy,* việc quy định khảo nghiệm và công nhận giống cây trồng theo 7 vùng sinh thái là không hợp lý vì quy định này làm tăng chi phí cho chủ sở hữu. Trong khi đó, sự thích ứng của giống cây trồng chủ yếu phụ thuộc vào yếu tố nhiệt độ, nên giống cây trồng có thể thích nghi trên nhiều vùng, thậm chí có thể thích nghi trên phạm vi toàn quốc.

b) Trong quản lý phân bón: phân bón là vật tư quan trọng bậc nhất trong lĩnh vực trồng trọt nhưng hiện mới được điều chỉnh tại văn bản cấp nghị định (Nghị định 108/2017/NĐ-CP ngày 20/9/2017 của Chính phủ về quản lý phân bón). Do đó, để nâng cao hiệu quả, hiệu lực công tác quản lý, đảm bảo tính đồng bộ, thống nhất trong hệ thống pháp luật thì các quy định về quản lý phân bón cần thiết phải quy định tại Luật.

c) Một số hoạt động chưa có văn bản pháp luật quy định

Việc xây dựng và bảo vệ các hệ thống canh tác hướng tới nền sản xuất hàng hóa tập trung, có hợp đồng, cấp chứng nhận chất lượng và truy xuất nguồn gốc là nội dung quan trọng trong giai đoạn hiện nay nhưng vẫn chưa được quy định ở các văn bản pháp luật.

Tương tự, hoạt động thu hoạch, bảo quản, chế biến và thương mại chưa có quy định cụ thể; hoặc một số nội dung được quy định tản mạn ở một số Luật.

**3. Chủ trương, chính sách mới của Đảng và Nhà nước về trồng trọt cần được thể chế hóa**

Ngày 05/8/2008, Hội nghị lần thứ 7 Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa X đã thông qua Nghị quyết 26-NQ/TW về nông nghiệp, nông dân, nông thôn, đã xác định: *“Phát triển ngành trồng trọt, hình thành vùng sản xuất hàng hoá tập trung, thực hiện đầu tư thâm canh, áp dụng các giống và quy trình sản xuất mới có năng suất, chất lượng cao; hoàn thiện hệ thống tưới tiêu; đẩy nhanh cơ giới hoá đồng bộ các khâu sản xuất; hiện đại hoá công nghiệp bảo quản, chế biến, nâng cao chất lượng, vệ sinh an toàn thực phẩm và giá trị gia tăng của nông sản hàng hóa. Bố trí lại cơ cấu cây trồng, mùa vụ và giống để giảm thiệt hại do thiên tai, dịch bệnh phù hợp với điều kiện của từng vùng. Tiếp tục đẩy mạnh thâm canh sản xuất lúa, nhất là ở đồng bằng sông Cửu Long, đồng bằng sông Hồng. Đảm bảo vững chắc an ninh lương thực quốc gia trước mắt và lâu dài và ưu tiên hàng đầu trong phát triển nông nghiệp. Có chính sách bảo đảm lợi ích cho người trồng lúa, địa phương và vùng trồng lúa. Xây dựng các vùng sản xuất cây công nghiệp, cây ăn quả, rau, hoa hàng hoá tập trung, trước hết là các vùng nguyên liệu cho công nghiệp chế biến và xuất khẩu.”.*

Ngày 15/5/2014, Bộ Chính trị có kết luận số 97-KL/TW về một số chủ trương, giải pháp tiếp tục thực hiện Nghị quyết 26-NQ/TW về nông nghiệp, nông dân, nông thôn trong đó chỉ rõ “*Chủ động sản xuất, kiểm soát chặt chẽ tiêu chuẩn, chất lượng các sản phẩm đầu vào sản xuất nông nghiệp như giống, phân bón, thuốc trừ sâu, nguyên liệu thức ăn chăn nuôi…, nhằm tạo bước đột phá về năng suất, chất lượng và hiệu quả của các vùng, cơ sở sản xuất nông sản, thực phẩm an toàn, công nghệ cao; hạn chế việc nhập khẩu các sản phẩm nông nghiệp trong nước sản xuất được.”* và  “*Tập trung giải quyết các vấn đề cấp thiết trong sản xuất nông nghiệp nhằm nâng cao giá trị gia tăng, sức cạnh tranh của nông sản, ưu tiên trước hết cho các sản phẩm chủ lực. Phát triển nông nghiệp dựa trên đặc điểm, lợi thế của mỗi vùng, miền, địa phương; xác định rõ các cây trồng, vật nuôi có lợi thế, có thị trường; hình thành các vùng sản xuất hàng hóa tập trung, các loại nông sản chủ lực, các sản phẩm hàng hóa có thương hiệu quốc gia và quốc tế.*”

Trên cơ sở đường lối, chủ trương của Đảng, Chính phủ ban hành nhiều chính sách như: Nghị quyết số 24/2008/NQ-CP ngày 28/10/2008 của Chính phủ về Chương trình hành động của Chính phủ Thực hiện Nghị quyết Hội nghị lần thứ 7 Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa X về nông nghiệp, nông dân, nông thôn “ *Xây dựng nền nông nghiệp hiện đại (bao gồm các đề án phát triển ngành trồng trọt, chăn nuôi, bảo vệ và phát triển rừng; phát triển nuôi trồng, khai thác và bảo vệ nguồn lợi thủy sản), trong đó phải khai thác tối đa lợi thế so sánh của từng vùng sinh thái, từng loại sản phẩm phù hợp với yêu cầu của thị trường, gắn sản xuất hàng hóa với công nghiệp chế biến và áp dụng tiến bộ khoa học công nghệ để nâng cao khả năng cạnh tranh và hiệu quả kinh tế. Đẩy mạnh việc áp dụng cơ giới hóa nông nghiệp phù hợp với điều kiện của từng vùng, từng loại cây trồng, vật nuôi, tập trung vào một số vùng sản xuất hàng hóa lớn, thiếu lao động. Thực hiện đồng bộ các giải pháp để hạn chế tối đa tổn thất sau thu hoạch.”*

Các chủ trương chính sách của Đảng, Chính phủ triển khai trong thực tiễn đã khẳng định tính tích cực, hiệu quả to lớn cho ngành nông nghiệp nói chung, ngành trồng trọt nói riêng nên cần được luật hóa trong Luật Trồng trọt.

Để khắc phục những bất cập, hạn chế nêu trên, đồng thời nhằm thể chế hóa đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách của Nhà nước về phát triển trồng trọt, xây dựng nền nông nghiệp toàn diện theo hướng hiện đại, hiệu quả và bền vững, đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững kinh tế - xã hội, bảo vệ môi trường, việc xây dựng để ban hành Luật Trồng trọt là hết sức cần thiết.

**II. BỐ CỤC CỦA LUẬT TRỒNG TRỌT**

Luật Trồng trọt có 7 Chương, 85 Điều và được kết cấu như sau:

**Chương I- Những quy định chung**, gồm 09 điều (*từ Điều 1 đến Điều 9),* quy định về:p**hạm vi điều chỉnh; giải thích từ ngữ**; n**guyên tắc hoạt động trồng trọt; chính sách của Nhà nước về hoạt động trồng trọt; chiến lược phát triển trồng trọt; hoạt động khoa học và công nghệ trong trồng trọt; hợp tác quốc tế về trồng trọt; cơ sở dữ liệu quốc gia về trồng trọt; các hành vi bị nghiêm cấm trong hoạt động trồng trọt.**

**Chương II- Giống cây trồng**, gồm 26 điều (*từ Điều 10 đến Điều 35),* quy định về: **Nghiên cứu chọn, tạo và chuyển giao công nghệ về nguồn gen giống cây trồng; Khai thác, sử dụng nguồn gen giống cây trồng; Bảo tồn nguồn gen giống cây trồng; Yêu cầu chung về việc công nhận lưu hành và tự công bố lưu hành giống cây trồng; Tên giống cây trồng; Cấp, cấp lại, gia hạn, đình chỉ, phục hồi, hủy bỏ Quyết định công nhận lưu hành giống cây trồng; Cấp Quyết định công nhận lưu hành đặc cách giống cây trồng; Tự công bố lưu hành giống cây trồng; Nội dung khảo nghiệm giống cây trồng; Yêu cầu chung về khảo nghiệm giống cây trồng; Lưu mẫu giống cây trồng; Cấp, cấp lại, hủy bỏ Quyết định công nhận tổ chức khảo nghiệm giống cây trồng; Điều kiện của tổ chức, cá nhân sản xuất, buôn bán giống cây trồng; Sản xuất giống cây trồng; Cấp, đình chỉ, phục hồi, hủy bỏ Quyết định công nhận cây đầu dòng, Quyết định công nhận vườn cây đầu dòng; Yêu cầu chung về quản lý chất lượng giống cây trồng; Kiểm định ruộng giống, lấy mẫu vật liệu nhân giống cây trồng; Ghi nhãn và quảng cáo giống cây trồng; Xuất khẩu giống cây trồng; Nhập khẩu giống cây trồng; Quyền và nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân nghiên cứu, chọn, tạo giống cây trồng; Quyền và nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân đứng tên đăng ký cấp quyết định công nhận lưu hành hoặc tự công bố lưu hành giống cây trồng; Quyền và nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân sử dụng giống cây trồng; Quyền và nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân đứng tên đăng ký cấp Quyết định công nhận cây đầu dòng, Quyết định công nhận vườn cây đầu dòng; Quyền và nghĩa vụ của tổ chức khảo nghiệm giống cây trồng; Quyền và nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân sản xuất, buôn bán giống cây trồng.**

**Chương III- Phân bón**, gồm 19 điều (*từ Điều 36 đến Điều 54),* quy định về: **Yêu cầu về công nhận phân bón lưu hành, phân loại phân bón; Cấp, cấp lại, gia hạn Quyết định công nhận phân bón lưu hành tại Việt Nam; Hủy bỏ Quyết định công nhận phân bón lưu hành tại Việt Nam; Yêu cầu về khảo nghiệm phân bón; Điều kiện công nhận tổ chức khảo nghiệm phân bón; Điều kiện sản xuất phân bón; Điều kiện buôn bán phân bón; Xuất khẩu phân bón; Nhập khẩu phân bón; Quản lý chất lượng phân bón; Kiểm tra nhà nước về chất lượng phân bón nhập khẩu; Tên phân bón; Ghi nhãn phân bón; Quảng cáo phân bón; Quyền và nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân sản xuất phân bón; Quyền và nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân buôn bán phân bón; Quyền và nghĩa vụ của tổ chức khảo nghiệm phân bón; Quyền và nghĩa vụ của người lấy mẫu phân bón; Quyền và nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân sử dụng phân bón.**

**Chương IV- Canh tác**, gồm 20 điều (*từ Điều 55 đến Điều 74),* quy định vềs**ử dụng và bảo vệ đất trong canh tác; Chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên đất trồng lúa; Bảo vệ và sử dụng tầng đất mặt của đất chuyên trồng lúa nước; Sử dụng nước tưới; Sử dụng sinh vật có ích; Trang thiết bị và vật tư nông nghiệp trong canh tác; Yêu cầu về sử dụng trang thiết bị và vật tư nông nghiệp trong canh tác; Phát triển vùng sản xuất hàng hóa tập trung; Hợp tác, liên kết sản xuất; Quản lý và cấp mã số vùng trồng; Quy trình sản xuất; Ứng dụng công nghệ cao trong canh tác; Cơ giới hóa trong canh tác; Phát triển và bảo vệ vùng canh tác hữu cơ; Yêu cầu đối với canh tác hữu cơ; Canh tác thích ứng với biến đổi khí hậu; Canh tác trên vùng đất dốc, đất trũng, đất phèn, đất mặn, đất cát ven biển, đất có nguy cơ sa mạc hóa, hoang mạc hóa; Bảo vệ môi trường trong canh tác; Quyền của tổ chức, cá nhân canh tác; Nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân canh tác.**

**Chương V- Thu hoạch, sơ chế, bảo quản, chế biến, thương mại và quản lý chất lượng sản phẩm cây trồng**, gồm 07 điều (*từ Điều 75 đến Điều 81),* quy định về: **Thu hoạch, sơ chế, bảo quản, chế biến sản phẩm cây trồng; Thu gom, xử lý, sử dụng phụ phẩm cây trồng; Phát triển thị trường và thương mại sản phẩm cây trồng; Xuất khẩu, nhập khẩu sản phẩm cây trồng; Phát triển chợ đầu mối sản phẩm cây trồng; Quyền và nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân thu hoạch, sơ chế, bảo quản, chế biến và thương mại sản phẩm cây trồng; Quản lý chất lượng sản phẩm cây trồng.**

**Chương VI-** **Quản lý nhà nước về hoạt động trồng trọt**, gồm 02 điều 82 và 83*,* quy định về: **Trách nhiệm của Chính phủ, Bộ, cơ quan ngang Bộ; Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân các cấp trong hoạt động trồng trọt.**

**Chương VII- Điều khoản thi hành**, gồm điều 84 và điều 85 quy định về hiệu lực thi hành và quy định chuyển tiếp.

**III. NỘI DNG CƠ BẢN CỦA LUẬT TRỒNG TRỌT**

**1. Những quy định chung (Chương I)**

***1.1. Phạm vi điều chỉnh (Điều 1):*** Luật Trồng trọtquy định về hoạt động trồng trọt; quyền và nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân hoạt động trồng trọt; quản lý nhà nước về trồng trọt.

Hoạt động trồng trọt bao gồm hoạt động về giống cây trồng; phân bón; canh tác; thu hoạch, sơ chế, bảo quản, chế biến, thương mại và quản lý chất lượng sản phẩm cây trồng.

Theo đó, Luật Trồng trọt mở rộng phạm vi điều chỉnh theo hướng liên kết theo chuỗi quy định về hoạt động trồng trọt và liên quan; quyền và nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân hoạt động trồng trọt; quản lý Nhà nước về trồng trọt (Điều 1). Trồng trọt được xác định là ngành kinh tế - kỹ thuật trong nông nghiệp có liên quan đến việc gieo trồng cây nông nghiệp, cây cảnh và nấm ăn để phục vụ mục đích của con người, bao gồm hoạt động về giống cây trồng; phân bón; canh tác; thu hoạch, sơ chế, bảo quản, chế biến, thương mại và quản lý chất lượng sản phẩm cây trồng (khoản 1, khoản 2 Điều 2). Đây là một trong những điểm mới quan trọng nhất của Luật, chi phối toàn bộ nội dung cũng như cấu trúc của Luật.

***1.2. Nguyên tắc hoạt động trồng trọt (Điều 3)***

Luật Trồng trọt xác định phát triển ngành trồng trọt theo định hướng thị trường, tạo nền sản xuất hàng hóa quy mô lớn, chất lượng và từng bước hiện đại hóa, bảo đảm phát triển bền vững, an ninh lương thực, nâng cao thu nhập, cải thiện đời sống nông dân, thích ứng biến đổi khí hậu và hội nhập kinh tế quốc tế là nguyên tắc hoạt động. Theo đó, quy định hoạt động trồng trọt phải tuân thủ 6 nguyên tắc sau đây:

*Thứ nhất,* phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị, gắn với định hướng thị trường, phù hợp với chiến lược phát triển trồng trọt, quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất và các nguồn tài nguyên khác; tạo điều kiện thuận lợi để phát triển hợp tác, liên kết sản xuất, xây dựng vùng sản xuất hàng hóa tập trung, sản xuất có hợp đồng, sản xuất được chứng nhận chất lượng; bảo đảm an ninh lương thực; bảo đảm hài hòa giữa lợi ích của Nhà nước với lợi ích của tổ chức, cá nhân.

*Thứ hai,* sử dụng hiệu quả, tiết kiệm, bền vững tài nguyên thiên nhiên, cơ sở hạ tầng; sử dụng an toàn và hiệu quả các loại vật tư nông nghiệp.

*Thứ ba*, tuân thủ tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về chất lượng môi trường đất, nước, quy trình sản xuất; bảo đảm an toàn thực phẩm, an toàn sinh học, an toàn dịch bệnh và bảo vệ môi trường.

*Thứ tư,* phát huy lợi thế vùng, gắn với bảo tồn giống cây trồng đặc sản, giống cây trồng bản địa; bảo vệ hệ thống canh tác bền vững, di sản, cảnh quan, văn hóa trong nông nghiệp gắn với phát triển du lịch sinh thái và xây dựng nông thôn mới.

*Thứ năm*, chủ động dự báo, phòng, chống thiên tai và sinh vật gây hại cây trồng; thích ứng với biến đổi khí hậu.

*Thứ sáu*, đáp ứng yêu cầu hội nhập quốc tế; tuân thủ điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.

***1.3. Chính sách của Nhà nước về hoạt động trồng trọt (Điều 4)***

Để thúc đẩy và khuyến khích các hoạt động trồng trọt, tại Điều 6 Luật Trồng trọt đã quy định Nhà nước có chính sách như sau:

- Nhà nước có chính sách đầu tư cho các hoạt động: (i) Thống kê, điều tra, xây dựng cơ sở dữ liệu về hoạt động trồng trọt; thông tin và dự báo thị trường; xây dựng chiến lược phát triển trồng trọt; xây dựng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về hoạt động trồng trọt; (ii) Xây dựng, nâng cấp cơ sở vật chất, trang thiết bị cho tổ chức khoa học và công nghệ công lập phục vụ nghiên cứu chính sách, nghiên cứu cơ bản trong lĩnh vực trồng trọt; (iii) Nghiên cứu cơ chế, chính sách trong trồng trọt; chọn, tạo giống cây trồng chất lượng cao, chống chịu sinh vật gây hại và thích ứng với biến đổi khí hậu; khai thác sinh vật có ích; phát triển phân bón hữu cơ, chế phẩm sinh học, kỹ thuật canh tác và bảo vệ môi trường trong trồng trọt; nghiên cứu khoa học đất và dinh dưỡng cây trồng, công nghệ sau thu hoạch; Thu thập, lưu giữ, bảo tồn và khai thác nguồn gen giống cây trồng quý, hiếm, giống cây trồng đặc sản, giống cây trồng bản địa; xây dựng ngân hàng gen cây trồng; (iv) Đào tạo nguồn nhân lực về khuyến nông cho vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, đặc biệt khó khăn.

- Trong từng thời kỳ và khả năng của ngân sách nhà nước, Nhà nước hỗ trợ cho các hoạt động: (i) Liên kết sản xuất, hình thành các vùng sản xuất hàng hóa tập trung, canh tác hữu cơ; chuyển đổi cơ cấu cây trồng; canh tác trên vùng đất dốc, đất trũng, đất phèn, đất mặn, đất cát ven biển, đất có nguy cơ sa mạc hóa, hoang mạc hóa; phát triển vùng nguyên liệu phục vụ nhà máy chế biến; quản lý vùng trồng và truy xuất nguồn gốc; (ii) Nghiên cứu phát triển và ứng dụng công nghệ cao, công nghệ tiên tiến, công nghệ mới trong canh tác, bảo quản và chế biến; canh tác hữu cơ, canh tác thích ứng với biến đổi khí hậu; (iii) Áp dụng hệ thống quản lý chất lượng tiên tiến, hoạt động chứng nhận sản phẩm cây trồng; (iv) Xây dựng cơ sở hạ tầng, phân tích, đánh giá điều kiện sản xuất ban đầu trong trồng trọt, đánh giá nông hóa, thổ nhưỡng phục vụ sản xuất hàng hóa tập trung; xây dựng cơ sở hạ tầng phục vụ bảo quản, chế biến; sản xuất phân bón hữu cơ, chế phẩm sinh học; canh tác hữu cơ; cơ giới hóa; phòng thử nghiệm quốc gia và kiểm nghiệm liên phòng quốc tế; (v) Sản xuất lúa theo quy hoạch; (vi) Sản xuất giống siêu nguyên chủng, giống nguyên chủng, giống bố mẹ để sản xuất hạt lai F1, giống gốc và giống thương phẩm mới; phục tráng giống cây trồng đặc sản, giống cây trồng bản địa; duy trì cây đầu dòng; bảo vệ và phát triển vườn cây đầu dòng; nhập khẩu giống mới, chuyển nhượng bản quyền đối với giống cây trồng; (vii) Xây dựng chợ đầu mối sản phẩm cây trồng; xây dựng thương hiệu, xúc tiến thương mại, phát triển thị trường tiêu thụ sản phẩm cây trồng; (viii) Khôi phục sản xuất trong trường hợp bị thiên tai, dịch bệnh; (ix) Đào tạo nguồn nhân lực; chuyển giao tiến bộ khoa học kỹ thuật, khuyến nông trong trồng trọt.

Bên cạnh các chính sách đầu tư, hỗ trợ nêu trên Nhà nước khuyến khích tổ chức, cá nhân đầu tư cho hoạt động nêu trên và các hoạt động sau: (i) Hợp tác, liên kết trong nghiên cứu phát triển, kinh doanh, cung cấp dịch vụ kỹ thuật, chuyển giao công nghệ và hoạt động liên quan trong trồng trọt; (ii) Xã hội hóa dịch vụ công trong trồng trọt; nâng cao năng lực hoạt động đánh giá sự phù hợp; (iii) Bảo hiểm nông nghiệp trong trồng trọt; (iv) Canh tác hữu cơ, canh tác kết hợp du lịch sinh thái, bảo vệ cảnh quan, văn hóa, lịch sử ở khu vực nông thôn; (v) Sử dụng phân bón hữu cơ.

Như vậy, Luật Trồng trọt đã quy định rõ các chính sách để phát triển trồng trọt và phân định rõ các mức độ của chính sách đối với các hoạt động và các đối tượng khác nhau trong lĩnh vực trồng trọt để đảm bảo chính sách phù hợp với điều kiện xã hội và có tính khả thi.

***1.4. Chiến lược phát triển trồng trọt (Điều 5)***

Luật Trồng trọt quy định chiến lược phát triển trồng trọt được xây dựng cho chu kỳ 10 năm, định hướng 20 năm; phù hợp với chiến lược phát triển kinh tế - xã hội, quy hoạch, kế hoạch có liên quan. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì, phối hợp với các Bộ, cơ quan ngang Bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xây dựng, trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển trồng trọt.

***1.5. Cơ sở dữ liệu quốc gia về trồng trọt (Điều 8)***

Luật Trồng trọt lần đầu tiên quy định về cơ sở dữ liệu quốc gia về trồng trọt bao gồm các nội dung sau: Cơ sở dữ liệu về văn bản quy phạm pháp luật, văn bản chỉ đạo điều hành, về sản xuất, bảo quản, chế biến, thương mại, về kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, về dinh dưỡng đất, sử dụng đất trồng trọt, giống cây trồng, phân bón, nước tưới và cơ sở dữ liệu khác về trồng trọt.

Cơ sở dữ liệu quốc gia về trồng trọt là hệ thống thông tin liên quan đến trồng trọt, được xây dựng thống nhất từ trung ương đến địa phương, được chuẩn hóa để cập nhật, khai thác phục vụ xây dựng chiến lược phát triển ngành, phục vụ công tác chỉ đạo điều hành của các cơ quan quản lý chuyên ngành trồng trọt các cấp; cung cấp thông tin cho doanh nghiệp, người dân sản xuất, kinh doanh trong lĩnh vực trồng trọt và quản lý bằng công nghệ thông tin.

***1.6. Các hành vi bị nghiêm cấm trong hoạt động trồng trọt (Điều 9)***

Luật Trồng trọt quy định 10 nhóm hành vi bị cấm trong lĩnh vực trồng trọt, gồm:

(1) Sản xuất, buôn bán, nhập khẩu giống cây trồng chưa được quyết định công nhận lưu hành hoặc tự công bố lưu hành, trừ trường hợp được cơ quan có thẩm quyền cho phép.

(2) Sản xuất, buôn bán, nhập khẩu phân bón chưa được quyết định công nhận lưu hành tại Việt Nam (trừ trường hợp nhập khẩu phân bón quy định tại khoản 2 Điều 44 của Luật) và sản xuất phân bón để xuất khẩu theo hợp đồng với tổ chức, cá nhân nước ngoài.

(3) Sản xuất, buôn bán giống cây trồng không đáp ứng điều kiện sản xuất, buôn bán; sản xuất, buôn bán phân bón chưa được cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất, buôn bán phân bón.

(4) Sản xuất, buôn bán, nhập khẩu giống cây trồng, phân bón, vật tư nông nghiệp khác và sản phẩm cây trồng giả, hết hạn sử dụng, không rõ nguồn gốc.

(5) Cung cấp thông tin về giống cây trồng, phân bón sai lệch với thông tin đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt hoặc sai lệch với thông tin tự công bố;

(6) Thực hiện trái phép dịch vụ khảo nghiệm, thử nghiệm, kiểm định ruộng giống, giám định, chứng nhận chất lượng giống cây trồng, sản phẩm cây trồng, phân bón.

(7) Cung cấp sai hoặc giả mạo kết quả khảo nghiệm, thử nghiệm, kiểm định ruộng giống, kiểm tra, giám định, chứng nhận chất lượng, hợp chuẩn, hợp quy về vật tư nông nghiệp và sản phẩm cây trồng.

(8) Xuất khẩu trái phép giống cây trồng thuộc Danh mục nguồn gen giống cây trồng cấm xuất khẩu.

(9) Canh tác gây hại cho cây trồng, vật nuôi và sức khỏe con người; gây ô nhiễm môi trường; suy thoái và cạn kiệt tài nguyên đất, nước và đa dạng sinh học.

(10) Khai thác, sử dụng trái phép tầng đất mặt của đất chuyên trồng lúa nước vào mục đích phi nông nghiệp.

**2.** **Giống cây trồng (Chương II)**

Chương này quy định những nội dung chính sau:

- Nghiên cứu, khai thác, sử dụng và bảo tồn nguồn gen giống cây trồng, cụ thể là nguồn gen từ giống cây trồng đã được cấp quyết định công nhận lưu hành hoặc tự công bố lưu hành; giống cây trồng đã tồn tại phổ biến trong sản xuất, giống cây trồng đặc sản, giống cây trồng bản địa, giống cây trồng nhập khẩu chưa được cấp quyết định công nhận lưu hành hoặc tự công bố lưu hành thực hiện theo quy định của Luật Trồng trọt (Điều 10 đến Điều 12) và pháp luật về khoa học và công nghệ, chuyển giao công nghệ, đa dạng sinh học.

- Công nhận lưu hành giống cây trồng: Giống cây trồng thuộc loài cây trồng chính chỉ được phép sản xuất, buôn bán, xuất khẩu, nhập khẩu sau khi được cấp Quyết định công nhận lưu hành giống cây trồng hoặc cấp Quyết định công nhận lưu hành đặc cách đối với giống cây trồng đặc sản, giống cây trồng bản địa, giống cây trồng đã tồn tại lâu dài trong sản xuất. Giống cây trồng thuộc loài cây trồng chính phải được khảo nghiệm do tổ chức khảo nghiệm độc lập được công nhận đủ điều kiện thực hiện trước khi cấp hoặc gia hạn Quyết định công nhận lưu hành giống cây trồng, trừ trường hợp giống cây trồng được cấp Quyết định công nhận lưu hành đặc cách.

- Tự công bố lưu hành giống cây trồng: Giống cây trồng không thuộc loài cây trồng chính chỉ được phép sản xuất, buôn bán, xuất khẩu, nhập khẩu khi tổ chức, cá nhân tự công bố lưu hành giống cây trồng theo quy định tại Điều 17 Luật Trồng trọt, trừ trường hợp phục vụ nghiên cứu, khảo nghiệm, quảng cáo, triễn lãm, trao đổi quốc tế và sản xuất hạt lai để xuất khẩu.

- Về khảo nghiệm giống cây trồng: Khảo nghiệm giống cây trồng bao gồm khảo nghiệm tính khác biệt, tính đồng nhất và tính ổn định; khảo nghiệm giá trị canh tác, giá trị sử dụng. Luật Trồng trọt thực hiện xã hội hóa hoạt động khảo nghiệm giống cây trồng, theo đó tổ chức muốn tham gia hoạt động khảo nghiệm giống cây trồng phải có Quyết định công nhận tổ chức khảo nghiệm giống cây trồng khi đáp ứng các điều kiện quy định tại Điều 21 Luật Trồng trọt.

- Sản xuất, buôn bán giống cây trồng được thực hiện khi tổ chức, cá nhân đáp ứng đầy đủ các điều kiện quy định tại từ Điều 22 đến Điều 24 Luật Trồng trọt.

- Quản lý chất lượng giống cây trồng bao gồm quản lý chất lượng giống và quản lý chất lượng vật liệu nhân giống. Quản lý chất lượng giống cây trồng theo tiêu chuẩn quốc gia hoặc tiêu chuẩn cơ sở đối với từng loài cây trồng. Chất lượng vật liệu nhân giống cây trồng chính được quản lý trên cơ sở quy chuẩn kỹ thuật quốc gia. Chất lượng vật liệu nhân giống cây trồng không thuộc loài cây trồng chính được quản lý trên cơ sở tiêu chuẩn về chất lượng vật liệu nhân giống cây trồng do tổ chức, cá nhân công bố áp dụng.

- Xuất khẩu và nhập khẩu giống cây trồng: Giống cây trồng được xuất khẩu, nhập khẩu khi đáp ứng các quy định tại Điều 28, Điều 29 Luật Trồng trọt.

- Quyền và nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân hoạt động về giống cây trồng, bao gồm quyền và nghĩa vụ của tổ chức cá nhân nghiên cứu, chọn, tạo giống cây trồng; đứng tên đăng ký cấp quyết định công nhận lưu hành hoặc tự công bố lưu hành giống cây trồng; sử dụng giống cây trồng; đứng tên đăng ký cấp Quyết định công nhận cây đầu dòng, quyết định công nhận vườn cây đầu dòng, khảo nghiệm giống cây trồng; sản xuất, buôn bán giống cây trồng được quy định từ Điều 30 đến Điều 35 Luật Trồng trọt.

**3.** **Phân bón (Chương III)**

Chương này quy định những nội dung chính sau:

- Công nhận phân bón lưu hành: Phân bón là hàng hóa kinh doanh có điều kiện và phải được cấp Quyết định công nhận phân bón lưu hành tại Việt Nam theo quy định tại Điều 37 Luật Trồng trọt, trừ phân bón hữu cơ được sản xuất để sử dụng không vì mục đích thương mại, phân bón được nhập khẩu quy định tại khoản 2 Điều 44 Luật Trồng trọt; phân bón được sản xuất để xuất khẩu theo hợp đồng với tổ chức, cá nhân nước ngoài. Quyết định công nhận phân bón lưu hành tại Việt Nam có thời hạn là 05 năm và được gia hạn. Mỗi tổ chức, cá nhân chỉ được đứng tên đăng ký công nhận một tên phân bón cho mỗi công thức thành phần, hàm lượng dinh dưỡng phân bón.

- Khảo nghiệm phân bón: Phân bón phải được khảo nghiệm trước khi được công nhận lưu hành, trừ các loại phân bón quy định tại khoản 2 Điều 39 Luật Trồng trọt. Khảo nghiệm phân bón thực hiện theo tiêu chuẩn quốc gia do tổ chức được công nhận đủ điều kiện thực hiện khảo nghiệm.

- Sản xuất và buôn bán phân bón: Tổ chức, cá nhân sản xuất phân bón phải có Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất phân bón theo quy định tại Điều 41 Luật Trồng trọt. Tổ chức, cá nhân buôn bán phân bón phải có Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán phân bón theo quy định tại Điều 42 Luật Trồng trọt.

- Quản lý chất lượng phân bón: Phân bón được quản lý chất lượng theo quy định của pháp luật về chất lượng sản phẩm, hàng hóa. Phân bón nhập khẩu phải được kiểm tra nhà nước về chất lượng, trừ phân bón nhập khẩu quy định tại các điểm a, d, đ, e và h khoản 2 Điều 44 của Luật Trồng trọt.

- Xuất khẩu, nhập khẩu phân bón: Phân bón được xuất khẩu, nhập khẩu khi đáp ứng các quy định tại Điều 43, Điều 44 Luật Trồng trọt.

- Quyền và nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân hoạt động trong lĩnh vực phân bón bao gồm quyền và nghĩa vụ trong sản xuất, buôn bán, khảo nghiệm, sử dụng phân bón; lấy mẫu phân bón được quy định từ Điều 50 đến Điều 54 Luật Trồng trọt.

**4.** **Canh tác (Chương IV)**

Chương này quy định những nội dung chính sau:

- Sử dụng tài nguyên trong canh tác: Luật Trồng trọt quy định cụ thể việc sử dụng và bảo vệ đất trong canh tác từ Điều 55 đến Điều 57; sử dụng nước tưới tại Điều 58 và sử dụng sinh vật có ích tại Điều 59.

- Sử dụng trang thiết bị và vật tư nông nghiệp trong canh tác (Điều 60, Điều 61): Trang thiết bị trong canh tác bao gồm nhà kính, nhà lưới, máy móc và dụng cụ phục vụ sản xuất, tưới tiêu, thu hoạch, sơ chế, bảo quản, chế biến. Vật tư nông nghiệp trong canh tác bao gồm: Giống cây trồng; Phân bón; Thuốc bảo vệ thực vật; Giá thể trồng cây, màng phủ đất, vật liệu giữ ẩm; Hóa chất, chế phẩm sinh học sử dụng trong hoạt động trồng trọt. Tổ chức, cá nhân hoạt động canh tác chỉ được sử dụng vật tư nông nghiệp trong canh tác được phép sử dụng, lưu hành theo quy định của pháp luật; tuân thủ hướng dẫn của cơ quan chuyên môn hoặc của tổ chức, cá nhân sản xuất vật tư nông nghiệp.

- Phát triển vùng sản xuất hàng hóa tập trung và liên kết sản xuất (Điều 62, Điều 63, Điều 64): Luật Trồng trọt quy định việc phát triển vùng sản xuất hàng hóa tập trung phải phù hợp với tính chất lý, hóa học của đất, khí hậu, nguồn nước, đặc tính sinh học của cây trồng, lợi thế vùng; bảo đảm xây dựng vùng nguyên liệu gắn với chế biến và thị trường. Ủy ban nhân dân các cấp có trách nhiệm tạo điều kiện và hỗ trợ các bên tham gia đàm phán, ký kết, thực hiện cam kết trong hợp đồng hợp tác, liên kết sản xuất, tiêu thụ sản phẩm; hỗ trợ xây dựng cơ sở hạ tầng, dịch vụ hậu cần và xúc tiến thương mại sản phẩm cho vùng sản xuất hàng hóa tập trung.

- Quy trình sản xuất, ứng dụng công nghệ cao trong canh tác; canh tác hữu cơ; canh tác thích ứng với biến đổi khí hậu và bảo vệ môi trường được quy định từ Điều 65 đến Điều 72 của Luật Trồng trọt.

- Quy định quyền và nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân canh tác được quy định tại Điều 73, Điều 74 Luật Trồng trọt.

**5.** **Thu hoạch, sơ chế, bảo quản, chế biến, thương mại quản lý chất lượng sản phẩm cây trồng (Chương V)**

Luật Trồng trọt bổ sung các quy định về bảo quản, chế biến, thương mại, quản lý chất lượng để đảm bảo tính thống nhất, đồng bộ trong chuỗi sản xuất sản phẩm trồng trọt. Bao gồm các nội dung chính sau:

- Việc thu hoạch, sơ chế, bảo quản, chế biến sản phẩm cây trồng phải hạn chế thất thoát, đảm bảo chất lượng, vệ sinh an toàn thực phẩm (Điều 75).

- Phụ phẩm cây trồng phải được thu gom, xử lý, sử dụng phù hợp, không gây ô nhiễm môi trường và lan truyền sinh vật gây hại (Điều 76).

- Xác định rõ nội dung phát triển thị trường sản phẩm cây trồng bao gồm dự báo thị trường và định hướng phát triển sản phẩm; đàm phán và thực hiện mở cửa thị trường; tháo gỡ rào cản để sản phẩm cây trồng của Việt Nam được nhập khẩu vào các quốc gia và vùng lãnh thổ; xây dựng chợ đầu mối; xúc tiến thương mại và xây dựng thương hiệu sản phẩm cây trồng (Điều 77).

- Xuất khẩu, nhập khẩu sản phẩm cây trồng: Tổ chức, cá nhân nhập khẩu sản phẩm cây trồng phải có tài liệu truy xuất nguồn gốc, đáp ứng yêu cầu về chất lượng, an toàn thực phẩm, an toàn dịch bệnh theo quy định của pháp luật Việt Nam (Điều 78).

- Quy định quyền và nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân thu hoạch, sơ chế, bảo quản, chế biến và thương mại sản phẩm cây trồng (Điều 80)

**6. Quản lý Nhà nước về hoạt động Trồng trọt (Chương VI)**

Luật quy định trách nhiệm quản lý nhà nước về hoạt động trồng trọt của Chính phủ; trách nhiệm của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn là cơ quan đầu mối giúp Chính phủ trong việc thực hiện quản lý nhà nước về hoạt động trồng trọt; chủ trì, phối hợp với các Bộ, cơ quan ngang Bộ thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước về hoạt động trồng trọt và trách nhiệm quản lý nhà nước của Ủy ban nhân dân các cấp.

**7. Quy định chuyển tiếp (Điều 85):**

- Quyết định công nhận giống cây trồng mới được cấp theo quy định của Pháp lệnh Giống cây trồng số 15/2004/PL-UBTVQH11 được tiếp tục sử dụng trong thời hạn 10 năm đối với giống cây trồng hằng năm, 20 năm đối với giống cây trồng lâu năm tính từ ngày được cấp quyết định và được gia hạn theo quy định của Luật này.

Trường hợp thời gian còn lại của quyết định công nhận giống cây trồng mới không đủ 03 năm hoặc quá thời hạn 10 năm đối với giống cây trồng hằng năm, quá 20 năm đối với giống cây trồng lâu năm tính đến ngày Luật này có hiệu lực thi hành thì được tiếp tục sử dụng trong thời hạn 03 năm kể từ ngày Luật này có hiệu lực thi hành.

- Quyết định công nhận cây đầu dòng, Quyết định công nhận vườn cây đầu dòng được cấp theo quy định của Pháp lệnh Giống cây trồng số 15/2004/PL-UBTVQH11 được tiếp tục sử dụng theo quy định của Luật này và không phải gia hạn.

- Quyết định công nhận phân bón lưu hành tại Việt Nam, giấy phép sản xuất phân bón, giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất phân bón đã được cấp trước ngày Luật này có hiệu lực thì tiếp tục được sử dụng cho đến khi hết thời hạn và được gia hạn, cấp lại theo quy định của Luật này.

Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán phân bón đã được cấp trước ngày Luật này có hiệu lực thi hành có giá trị tương đương với Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán phân bón theo quy định của Luật này.

- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia, tiêu chuẩn quốc gia trong hoạt động trồng trọt đã được ban hành trước ngày Luật này có hiệu lực thi hành thì tiếp tục được áp dụng cho đến khi bị bãi bỏ hoặc thay thế.

- Kết quả khảo nghiệm cơ bản về giống cây trồng được thực hiện trước ngày Luật này có hiệu lực thi hành có giá trị tương đương kết quả khảo nghiệm diện hẹp theo quy định của Luật này.

- Kết quả khảo nghiệm sản xuất về giống cây trồng được thực hiện trước ngày Luật này có hiệu lực thi hành có giá trị tương đương kết quả khảo nghiệm diện rộng theo quy định của Luật này.

- Kết quả khảo nghiệm phân bón thực hiện trước ngày Luật này có hiệu lực thi hành được tiếp tục sử dụng theo quy định của Luật này./.